**HUYỆN DUY XUYÊN, TỈNH QUẢNG NAM TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI VỚI BỒ ĐÀO NHA (THẾ KỶ XVI - XVII)**

**Hoàng Thị Anh Đào**

***Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế***

Tác giả liên hệ: Hoàng Thị Anh Đào, email: hoanganhdao.dhkh@husc.edu.vn

**Tóm tắt:**Huyện Duy Xuyên (Quảng Nam) là phần lãnh thổ của Việt Nam từ thế kỷ XIV dưới thời nhà Hồ. Đây là vùng đất có vị trí quan trọng trong hành trình mở cõi của dân tộc Việt Nam không chỉ ở khía cạnh văn hóa mà còn ở khía cạnh kinh tế. Từ thế kỷ XVI, Bồ Đào Nha mở rộng con đường hàng hải sang châu Á và đã thâm nhập vào Đàng Trong để tiến hành trao đổi buôn bán. Với sự giàu có về sản vật địa phương, huyện Duy Xuyên không chỉ tham gia vào mạng lưới buôn bán nội khu vực mà còn tham gia và mạng lưới giao thương quốc tế với Bồ Đào Nha khi mang hàng hóa đến xuất cảng ở Hội An. Xét trên ý nghĩa đó, bài viết nhằm phân tích vai trò mở rộng giao thương với Bồ Đào Nha của huyện Duy Xuyên ở những thế kỷ XVI – XVII, từ đó kiến nghị một số giải pháp trong việc phát huy hơn nữa vị trí của lđịa phương trong bối cảnh giao thương của đất nước hiện nay.

**Từ khóa**: Bồ Đào Nha; Đàng Trong; huyện Duy Xuyên; Quảng Nam, thương mại.

**1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Quảng Nam là vùng đất chiến lược của Đàng Trong từ khi chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ vùng Thuận Hóa, trong quá trình phát triển, các huyện nhỏ đã đóng góp vào sự phát triển chung của Quảng Nam, trong đó có huyện Duy Xuyên. Nhờ vị thế thuận lợi của mình, Duy Xuyên đã tham gia vào dòng chảy giao thương với Bồ Đào Nha từ thế kỷ XVI. Vậy, những nhân tố nào tác động đến nhu cầu kết nối hoạt động thương mại, và vị thế của huyện Duy Xuyên như thế nào trong quá trình bang giao với Bồ Đào Nha chính là mục tiêu tìm hiểu của bài viết.

**2. KHÁI QUÁT HÀNH TRÌNH MỞ CÕI CỦA VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ**

Từ khi nhà nước Văn Lang được thành lập cho đến đầu đời nhà Lý, lãnh thổ Việt Nam gần như ổn định bao gồm vùng đồng bằng Bắc Bộ và các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

Năm 1014, tướng của của nhà Lý là Dương Trường Huệ và Đoàn Kính Chí đem 20 vạn quân vào cướp châu Bình Lâm (vùng đất thuộc tỉnh Tuyên Quang ngày nay). Vua Lý Thái Tổ sai con trai là Dực Thánh Vương đem quân đi đánh “*chém đầu hàng vạn, bắt sống được quân lính và ngựa không kể xiết*”. Nhân đó Vua Lý Thái Tổ sáp nhập vùng đất mà ngày nay là Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái vào nước Đại Cồ Việt. Sau đó, vua Lý tiếp tục sáp nhập vùng đất của tộc người Thái vào lãnh thổ, đó là vùng đất thuộc tỉnh Sơn La ngày nay. Năm 1069, vua Lý Thái Tông thân chinh đi đánh Chiêm Thành, bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Chế Củ xin dâng ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính để chuộc tự do. Đây là vùng đất Quảng Bình, bắc Quảng Trị ngày nay.

*Dưới thời nhà Trần*, năm 1306, vua Chiêm Thành là Chế Mân đem 2 châu Ô, châu Lý làm quà sính lễ để cưới Huyền Trân Công chúa (vùng đất nam Quảng Trị và bắc sông Thu Bồn). *Năm 1402*, Hồ Hán Thương đem đại quân đi chinh phạt Chiêm Thành, tướng Việt là Đinh Đại Trung và tướng Chiêm Thành là Chế Tra Nan đều tử trận. Vua Chiêm Jaya Indravarman VII (Ba Đích Lại) đem dâng đất Chiêm Động (phía nam tỉnh Quảng Nam) và Cổ Lũy Động[[1]](#footnote-1) (ngày nay là tỉnh Quảng Ngãi) để cầu hòa. Vùng đất này thuộc các huyện Thăng Bình, Tam Kỳ, Quế Sơn, Duy Xuyên (Quảng Nam) và các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ (Quảng Ngãi) ngày nay.

*Dưới thời nhà Lê*, năm 1471, vua Lê Thánh Tông thân chinh đi đánh Chiêm Thành. Quân Đại Việt hạ thành Chà Bàn, bắt hơn 3 vạn quân Chiêm, bắt sống vua Chiêm là Trà Toàn. Vùng đất chiếm được của Chiêm Thành vua đặt làm thừa tuyên Quảng Nam và vệ Thăng Hoa. Vùng đất này ngày nay thuộc Quảng Ngãi và Bình Định. Sau khi thu phục tiểu vương quốc Bồn Man của người Thái, năm 1478, sáp nhập vùng Sơn La, các huyện phía tây Thanh Hóa, Nghệ An và tỉnh Hủa Phăn của Lào ngày nay vào đất Đại Việt (sau này tỉnh Hủa Phăn được trả lại cho Lào).

*Dưới thời chúa Nguyễn*,năm 1611, do người Chiêm Thành lấn chiếm biên ải, chúaNguyễn Hoàngđã sai một viên tướng gốc Chăm là Văn Phong đưa quân vào dẹp loạn và đặt ra phủPhú Yêngồm hai huyệnTuy HòavàĐồng Xuân, phong cho Văn Phong làm lưu thủ đất này. Năm 1653, vua Chiêm là Bà Tranh xâm phạm biên cảnh, chúa Hiền (Nguyễn Phúc Tần) sai người đánh dẹp, người Chiêm đầu hàng. Nhân đó lấy đất từ Phú Yên vào đến sông Phan Rangđặt làm 2 phủ Thái Khương, Diên Ninh và gồm 5 huyện: Quảng Phước, Tân Định (thuộc phủ Thái Khương), Phước Điền, Vinh Xương và Hoa Châu (thuộc phủ Diên Ninh). Vùng đất này là tỉnhKhánh Hoàngày nay.

Năm 1692, vua Chăm tên Bà Tranh đã tấn công vào phủ Diên Ninh và dinh Bình Khang tức vùng Diên Khánh ngày nay. Chúa Nguyễn saiNguyễn Hữu Cảnh đánh đuổi. Quân Chiêm và Việt đã giao tranh tạiSông Lũy, quân Chiêm Thành bại trân, vua Chiêm và hoàng gia bị bắt. Năm 1693, chúa Nguyễn Phúc Chu cho thành lập khu tự trịThuận Thành Trấntại vùng đất của Chiêm Thành, chúa Chăm được gọi là Trấn Vương, là thần hạ của chúa Nguyễn. Năm 1697, chúa Nguyễn lấy một phần đất chiếm được của Chiêm Thành trong trận chiến 1692 lập thànhBình Thuậnphủ. Năm 1708,Mạc Cửuđầu phục Chúa Nguyễn Phúc Chu và dâng toàn bộ đất đai mà ông khẩn hoang lập ấp cho Chúa Nguyễn, đó là vùng đất thuộcKiên Giang,Cà Maungày nay. Mạc Cửu được phong chức Tổng binh trấn Hà Tiên và phong tước Cửu Ngọc Hầu.

Năm 1732, chúa Nguyễn Phúc Chu tiến chiếm và sáp nhập vùng đất ngày nay làVĩnh Long,Bến Tre. Năm 1739,Mạc Thiên Tứkhai phá và đưa thêm vào lãnh thổĐàng Trongcác vùng đất thuộcCần Thơ,Hậu Giang vàBạc Liêungày nay. Năm 1756, vua Chân Lạp là Nặc Nguyên (*Ang Tong*) sau khi bị chúa Nguyễn Phúc Khoát đánh bại đã dâng vùng đất ngày nay thuộcLong An,Tiền Giangđể cầu hòa. Năm 1757, vua Nặc Nguyên chết, chú là Nặc Nhuận dâng vùng đất ngày nay thuộcTrà VinhvàSóc Trăngđể được chúaNguyễn Phúc Khoátphong làm vua Chân Lạp. Năm 1758, sau khi Nặc Nhuận chết, chúa Nguyễn Phúc Khoát đã hỗ trợ Nặc Tôn (*Outey II*) lên ngôi và bảo vệ Chân Lạp trước sự tấn công củaXiêm La, vua Nặc Tôn đã dâng vùng đất ngày nay là thuộc An Giang, Đồng Tháp cho chúa Nguyễn.

Các chúa Nguyễn cũng cho sáp nhập các vùng đất do người Việt vào vùng đấtChân Lạpkhẩn hoang làm ăn ngày nay thuộcBình Phước,Bình Dương,Tây Ninh,Sài Gòn,Biên Hòa,Vũng Tàu. Cùng với việc mở rộng lãnh thổ trên đất liền, chính quyền Đàng Trong lần lượt đưa người ra khai thác và kiểm soát các hòn đảo lớn và quần đảo trênbiển Đôngvàvịnh Thái Lan. Quần đảo Hoàng Sađược khai thác và kiểm soát từ đầu thế kỷ XVII,Côn Đảotừ năm 1704,Phú Quốctừ năm 1708 vàquần đảo Trường Satừ năm 1711.

*Dưới thời nhà Nguyễn,*năm 1816, vua Gia Long cho cắm cờ xác định chủ quyền tại hai quần đảoHoàng SavàTrường Sa. Năm 1832, khiLê Văn Duyệttừ trần,vua Minh Mạng đem quân chiếm khu tự trịThuận Thành Trấn, trừng phạt những quan chức Champa đã phục tùng Lê Văn Duyệt, xóa bỏ chế độ tự trị lập raNinh Thuậnphủ. Từ năm 1830 - 1834, vua Minh Mạng cho sáp nhập các vùng đất của các bộ tộc thiểu số Tây Nguyên, ngày nay thuộcKon Tum,Gia Lai,Đắc Lắc,Đắc Nông,Lâm Đồng. Năm 1887, sauHiệp ước Pháp - Thanh 1895, các vùng đất ngày nay là một phần củaLai Châu,Điện Biênđược trao cho Việt Nam.

*Như vậy*, để có được lãnh thổ Việt Nam trọn vẹn, Việt Nam đã có một hành trình mở cõi dài lâu trong lịch sử. Nhiệm vụ lịch sử này cha ông ta đã tiến hành xuất phát từ nhu cầu mở mang lãnh thổ của nhà nước phong kiến kết hợp với nhu cầu mưu sinh của nhân dân. Quá trình này bao hàm cả quá trình khai phá đất đai, tụ cư và thiết lập tổ chức hành chính trên trên vùng đất mới. Việc thiết lập bộ máy chính quyền, quân đội, phát triển kinh tế, văn hóa trên vùng đất mới được xem là mốc đánh dấu sự hoàn tất quá trình mở đất, xác lập chủ quyền.

Với tiến trình đó, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam là phần lãnh thổ của Việt Nam từ thế kỷ XIV dưới thời nhà Hồ. Cùng với vai trò là vùng đất cởi mở của Đàng Trong, huyện Duy Xuyên đã từng là nơi diễn ra các hoạt động giao thương giữa Việt Nam với các nước phương Tây, là nơi giao tiếp của các luồng hàng Đông - Tây, Bắc - Nam vào đầu thế kỷ XVI.

**3. VAI TRÒ MỞ RỘNG GIAO THƯƠNG VỚI PHƯƠNG TÂY CỦA HUYỆN DUY XUYÊN TRONG HÀNH TRÌNH MỞ CÕI**

**2.1. Các nhân tố tác động đến hoạt động giao thương của huyện Duy Xuyên với Bồ Đào Nha**

Với bối cảnh quốc tế thế kỷ XVI và nhân tố nội sinh của huyện Duy Xuyên (một vùng đất trọng yếu của Đàng Trong), huyện Duy Xuyên đã tham gia vào dòng chảy nội khu vực và ngoại thương với các nước bên ngoài.

*Thứ nhất*, *về bối cảnh quốc tế*, đó là sự thay đổi trong bối cảnh thương mại toàn cầu, việc hình thành nên mạng lưới hàng hải Đông - Tây mà Việt Nam được chọn làm vị trí có tính địa chiến lược. Hai thế kỷ XVI - XVII được xem là thời kỳ của “*kỷ nguyên thương mại*” và là giai đoạn đầu của sự kết nối nền thương mại thế giới một cách rộng lớn và có hệ thống. Từ lâu, trong thời cổ trung đại, các tuyến giao thương đường biển trong khu vực và xuyên châu lục đã được các người Mã Lai, Trung Hoa, Ấn Độ, Arập tiến hành. Tuy nhiên, phải đợi đến sau những Đại phát kiến cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, các tuyến hải thương thực sự mang tính chất quốc tế, toàn cầu.

Lúc này, các quốc gia Tây Âu, với ưu thế về các đội hạm thuyền của mình, đã đẩy mạnh công cuộc tìm kiếm đất đai và thị trường buôn bán, vươn tới các châu lục Á, Phi và Mỹ - Latinh ... Cùng với đó là công cuộc truyền đạo Kitô của Giáo hội La Mã. Từ sau Hiệp ước Todésillas (1494), quy định việc phân chia vùng ảnh hưởng trên quy mô toàn cầu, đã hình thành hai tuyến giao thương quốc tế xuyên đại dương bao gồm: tuyến tam giác Âu - Phi - Mỹ và tuyến trục Âu - Á, tạo nên hệ thống mậu dịch châu Á. Trong khi đó, ở khu vực Thái Bình Dương lại có những trục hải thương giao nhau. Trục Tây - Đông nằm trên tuyến Âu - Á, từ Ấn Độ qua eo Malacca ngược lên Macao (Trung Quốc), ngang qua Manila (Philippines), xuống dưới Batavia (Indonesia). Trục Bắc - Nam nối liền các quốc gia Đông Á và Đông Nam Á, từ Nhật Bản qua vùng bờ biển Trung Quốc, đảo Đài Loan, Việt Nam tới Xiêm (Thái Lan), Mã Lai, Indonesia.

*Thứ hai*, *về bối cảnh nội sinh của huyện Duy Xuyên nói riêng và Đàng Trong nói chung*, Đàng Trong là nơi gặp gỡ các tuyến trục giao thương vùng châu Á – Thái Bình Dương, đã không đứng ngoài cục diện chung và xu thế lịch sử đó, những tác động quốc tế ngoại sinh đã bắt gặp những chuyển biến kinh tế, xã hội nội sinh tạo nên đà hưng khởi của những khu vực cảng thị ven sông biển.

Những thay đổi của tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam xuất phát từ chính sách ngoại thương nhạy bén, linh hoạt với thời cuộc của chúa Nguyễn Đàng Trong khiến Bồ Đào Nha muốn xâm nhập vào thị trường buôn bán ven biển và nội địa Đàng Trong. *Việc chúa Nguyễn mở rộng ngoại thương với các quốc gia phương Tây không nằm ngoài mục đích là thu lợi nhuận*. G. Tabulê trong ghi chép về Công ty Ấn Độ và Đông Dương đã nhận xét: “*Những lãnh chúa xứ Nam kỳ lấy làm hài lòng khi thấy những người châu Âu tới nước họ buôn bán*” (Nguyễn Văn Khánh, 2007, 478). Chúa Nguyễn Hoàng còn chủ động gửi thư cho những người đứng đầu các Công ty Đông Ấn, cụ thể trong thư gửi Toàn quyền Batavia, chúa Nguyễn viết: “*Tôi thiết tha mong mọi người đến buôn bán ở các bến cảng nước tôi. Nếu Ngài không lấy làm phiền, xin cứ cho người đến nước tôi buôn bán. Điều đó sẽ làm tôi dễ chịu cũng như là tôi buôn bán với nước khác*” (Thành Thế Vỹ, 1961, 217). Thái độ mời chào của chúa Nguyễn chứng tỏ các Chúa đã thấy được việc mở rộng quan hệ buôn bán với phương Tây mang lại lợi ích về nhiều mặt cho quốc gia và cho triều đình phong kiến. Nghề buôn bán “nhất bản vạn lợi” không chỉ có sức thu hút đối với nhân dân mà còn quyến rũ với cả quan lại phong kiến. Tác giả C. Maybon đã nhận xét: “*Các vua chúa kiếm lời rất lớn trong các cuộc trao đổi này, không những chỉ vì các vị đó nhận được những tặng phẩm thật đẹp và lấy cho mình phần quý báu nhất trong số hàng hóa được các tàu chở đến mà còn vì các tàu ra vào cảng đã bị đánh thuế rất nặng*” (Maybon, 2011, 34).

*Chúa Nguyễn lợi dụng hoạt động ngoại thương để phục vụ mục đích chính trị, tăng cường sức mạnh quân sự*. Trong thời kỳ đầu, chúa Nguyễn hướng đến việc thiết lập mối quan hệ thương mại, nhưng bước sang thế kỷ XVII, khi cuộc nội chiến Trịnh - Nguyễn đang đà căng thẳng, chính quyền hai bên đã tìm cách lôi kéo sự chi viện từ bên ngoài. Chúa Nguyễn đặt hàng mua vũ khí với các lái buôn đến buôn bán với Việt Nam. Vì thế mà các lái buôn người Bồ Đào Nha đã mang đến bán các loại vũ khí và nguyên liệu cần cho chiến tranh như diêm, sinh, kẽm, đồng, súng ống… Họ còn mang đến cả thợ kỹ thuật để giúp chúa Nguyễn đúc vũ khí.

*Chúa Nguyễn còn muốn dùng ngoại thương làm đòn bẩy phát triển kinh tế*, việc nhà nước cho phép mở rộng quan hệ buôn bán với các nước và sự tiếp xúc với chủ nghĩa tư bản đã kích thích thương nghiệp trong nước phát triển, tạo nên sức sống mới cho hoạt động trao đổi buôn bán của Việt Nam. Ngoại thương phát triển đã tạo điều kiện cho sự phát triển của một số ngành kinh tế trong nước như ngành dệt, ươm tơ, làm đường… Việc mua bán trao đổi của người nước ngoài cũng đẩy nhanh sự lưu thông hàng hóa trong nước, thúc đẩy hoạt động và tăng thêm vốn liếng, kinh nghiệm cho các thương nhân người Việt.

 Những hàng hóa mà thương nhân phương Tây mang đến Việt Nam chủ yếu là những mặt hàng phục vụ cho tầng lớp quý tộc, quan lại phong kiến, rồi đến vũ khí nên tuy không làm phá vỡ hệ thống hàng hóa nội địa nhưng lại tạo ra sự kích thích các hoạt động sản xuất ở Đàng Trong, chủ yếu là những mặt hàng xuất khẩu như lụa và đường. Đàng Trong xuất khẩu nhiều các loại đường, theo thống kê của Li Tana, lượng đường có xuất xứ từ Đàng Trong xuất sang Nhật Bản năm 1636 là rất lớn: 36.130 kg đường trắng, 72.500 đường phổi, 525 kg đường phèn (Tana, 1999, 121).

Rõ ràng là, hoạt động ngoại thương đã có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của nền kinh tế nói chung và sản xuất hàng hóa nói riêng. Việc mở rộng quan hệ ngoại thương đã kích thích một số nghề thủ công trong nước phát triển đặc biệt là ươm tơ, dệt lụa, làm đường… Các sản vật tự nhiên trong nước được bán với giá trị cao hơn. Sự khởi sắc của nền kinh tế hàng hóa làm cho sản xuất thủ công và sản xuất nông nghiệp ở nước ta bớt đi tính tự cung tự cấp. Tiếp xúc buôn bán với phương Tây đã làm cho thị trường trong nước trở nên sôi động, các đô thị, bến cảng hoạt động sầm uất và dần thay đổi bộ mặt mới mẻ. Việc thực thi chính sách ngoại thương của Đàng Trong khá linh động, mềm dẻo. Chính quyền đã chủ động sử dụng ngoại thương làm đòn bẩy, tăng sức mạnh kinh tế và tiềm lực quốc gia. Li Tana cho rằng: “Ngoại thương đã trở thành yếu tố quyết định trong tốc độ phát triển của Đàng Trong. Ngoài thương nghiệp, không có gì khác có thể giúp họ Nguyễn xây dựng nhanh chóng vùng đất ít nhân lực này để có thể đương đầu nổi với một vùng đất có số tiềm lực gấp đôi, gấp ba (chỉ Đàng Ngoài) Đàng Trong về mọi mặt. Đối với các nước Đông Nam châu Á khác, vấn đề ngoại thương chỉ có thể là vấn đề làm giàu, nhưng đối với Đàng Trong buổi đầu, đây là vấn đề sống chết” (Tana, 1999, 105).

*Về nhân tố nội sinh của* *huyện Duy Xuyên*, đây là vùng đất sớm được khai hoang trong hành trình mở cõi, huyện Duy Xuyên có vị trí khá gần với Hội An, nên thuận lợi trong việc giao lưu bằng đường sông, để luân chuyển ra cảng cửa biển hoặc mang hàng hóa đến Hội An để tiến hành trao đổi buôn bán.

*Huyện Duy Xuyên* xưa kia có nhiều sản vật địa phương, những mặt hàng thời bấy giờ được ưa chuộng là quế, trầm hương, trái cây, hạt cau, vải bông…

*Hảng 1. Bảng thống kê tên những* *sản vật địa phương được trao đổi buôn bán ở huyện Duy Xuyên (1614 - 1665)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên hàng hóa tiếng Việt** | **Tên hàng hóa tiếng Pháp** |
| 1. Long não; 2. Vải bông; 3. Gạo; 4. Hương liệu; 5. Quế; 6. Trái cây; 7. Tôm khô; 8. Hạt cau; 9. Trầm hương; 10. Gỗ mun; 11. Ngà voi; 12. Tổ yến; 13. Hổ phách; 14. Tiêu; 15. Gỗ trắc; 16. Da cá; 17. Lô hội; 18. Mật ong; 19. Song mây. | 1. Aquila; 2. Coton; 3. Riz; 4. Benjoin; 5. Canelle; 6. Cardamomes; 7. Crevette séchée; 8. Castur; 9. Calamba; 10. Cayolac; 12. Ivoire; 13. Nids d’oiseaux; 14. Naçar; 15. Poivre; 16. Bois Noir; . Poisson cabruço; 17. Quoylaca; 18. Sapan; 19. Tafuci. |

Nguồn: Pierre-Yves, (1972, 249).

 Nhờ đường lối “mở cửa tích cực” của chúa Nguyễn mang tính độc lập, tự chủ và sáng tạo, mà “*Quảng Nam quốc” sánh vai với nhiều nước trong khu vực* (Đỗ Quỳnh Nga, 2013, 66). Cũng chính Christoforo Borri nhận xét rằng: “*phương châm của người Đàng Trong là không bao giở tỏ ra sợ một nước nào trên thế giới*” (Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, 2009, 93).

Có thể nói, những nhân tố khách quan và chủ quan trên đã tạo điều kiện và thúc đẩy sự thiết lập quan hệ ngoại thương giữa Đàng Trong với Bồ Đào Nha. Với vai trò là vùng đất mới khai phá, huyện Duy Xuyên đã tham gia vào dòng chảy giao thương nội khu vực và bên ngoài từ thế kỷ XVI.

**2.2. Hoạt động thương mại của Bồ Đào Nha với huyện Duy Xuyên trong tương quan khu vực Đàng Trong**

Sau khi thiết lập được mạng lưới buôn bán ở châu Á, cụ thể ở Ấn Độ tại Goa (1510), đến Malacca (1511), Malaya, Indonesia, Trung Quốc và Nhật Bản, người Bồ Đào Nha đã đến Đàng Trong. Việc Bồ Đào Nha thiết lập hệ thống thương điếm trên toàn cõi châu Á nhằm tạo ra một mạng lưới thương mại hùng mạnh vào thế kỷ XVI đã tạo nền tảng rất lớn cho hoạt động buôn bán giữa phương Đông và phương Tây. Đàng Trong là một trong những thương cảng được Bồ Đào Nha đặc biệt quan tâm vì đây là con đường huyết mạch trong việc thâm nhập thương mại Đông Nam Á lục địa.

Con đường hải thương từ Malacca đến Trung Quốc và Nhật Bản của Bồ Đào Nha có lộ trình sát bờ biển của Đàng Trong[[2]](#footnote-2). Hai địa điểm mà các thương nhân thường chọn để dừng chân là Côn Đảo và Cù Lao Chàm, để lấy nước ngọt và nghỉ ngơi một vài ngày trước khi tiếp tục chuyến hải trình. Người Bồ Đào Nha đến Cù Lao Chàm khoảng năm 1516 và sau đó, *một “sự khám phá” chính thức với Đàng Trong đã được tiến hành vào năm 1523* (Pierre-Yves, 1972, 3)[[3]](#footnote-3)*.*

Dù chưa được thiết lập quan hệ chính thức nhưng theo Birdwood, người Bồ Đào Nha đã bắt đầu có những hoạt động buôn bán sôi nổi với Đàng Trong vào khoảng năm 1540, đến khi Nguyễn Hoàng rời miền Bắc đi vào Nam (1558), Nguyễn Hoàng cần có tiền, vũ khí để củng cố lực lượng, nên chúa Nguyễn đã cho phép người Bồ Đào Nha chính thức buôn bán ở Đàng Trong.

Cụ thể là thương nhân Bồ Đào Nha từ Macao hoặc Nam Dương đến Hội An vào tháng chạp hoặc tháng giêng bán, mua hàng như tơ, lụa, hồ tiêu, gỗ quý, qua tay các đại lý Hoa kiều hay Nhật kiều ở Hội An. Những mặt hàng được thu gom từ những sản vật trong vùng lân cận. Với vị trí cách Hội An không xa, huyện Duy Xuyên là nơi được những thương nhân thu mua các mặt hàng trong nội khu vực, sau đó mang về Hội An bán. Các thuyền buôn thương mua những mặt hàng này ở Hội An rồi quay thuyền về các căn cứ Macao hoặc Nam Dương. Bên cạnh việc thu mua hàng hóa để trao đổi buôn bán, các thương nhân Bồ Đào Nha còn mua thêm củi đốt để tiếp tục chuyến hải hành của mình từ Bắc xuống Nam và ngược lại, huyện Duy Xuyên đã mang củi xuôi dòng về bán.

Hàng hóa người Bồ mua được từ Hội An là do thu gom từ các vùng lân cận, theo Antonio Bocarro - trưởng ký sự viên quốc gia India - là tơ vàng rất tốt và rẻ, một số trầm hương, kỳ nam, mặc dù rất hiếm và một số ít benzoin … tất cả là sản phẩm của địa phương và một lượng lớn là đồng người Nhật đem tới đây (Maybon, 2011, 107). Ở Đàng Trong, Hội An không chỉ là trung tâm tập trung và phân phối hàng hóa mà còn xuất khẩu một số sản phẩm của địa phương đứng đầu là kỳ nam hương, vàng và quế. Kỳ nam hương là một thứ dầu quý và nó được miêu tả như sau: “kỳ nam hương màu đen, có dầu và giá 50 *cruzado*s một *catty* nơi người Bồ Đào Nha trong khi tại chính nơi sản xuất, nó trị giá ngang với bạc, bao nhiêu kỳ nam hương là bấy nhiêu bạc” (Tana, 1999, 119). Những mặt hàng này được cung cấp từ những vùng lân cận, trong đó phần lớn được mua từ huyện Duy Xuyên.

*Qua* hoạt động thương mại của Bồ Đào Nha với Hội An với những vùng lân cận thế kỷ XVI - XVII, có thể nhận thấy rằng, những sản vật địa phương của trấn Quảng Nam, trong đó có huyện Duy Xuyên *đã tham gia vào mạng lưới buôn bán bằng đường biển với khu vực nội khu vực cũng như với phương Tây.*

Cũng chính sự có mặt của lái buôn người Bồ mà chúa Nguyễn đã linh hoạt trong chính sách, biết dùng ngoại thương để làm đòn bẩy phát triển kinh tế. Việc mở rộng ngoại thương vừa giúp các hoạt động thủ công trong nước phát triển, vừa nâng giá các mặt hàng lâm sản, thổ sản của Đàng Trong, đó là sự kết hợp hài hòa giữa núi và biển mà Đàng Trong đã tận dụng được lợi thế đó. Nhờ có biển, thương gia nước ngoài mới cập được cảng, nhờ có lâm sản, nên thu hút được tàu bè đến mua hàng hóa, vì thế mối quan hệ này chính là mối quan hệ tương hỗ giữa hai yếu tố *hải* và *sơn*.

Dù Bồ Đào Nha được chúa Nguyễn cho xây thương điếm nhưng họ không thực hiện, vì Bồ Đào Nha đã xây dựng Hội An là trạm trung chuyển trong hành trình hải thương, là nơi Bồ Đào Nha đến mua, bán và tiếp tế lương thực theo hành trình gió mùa. Làng Hương Quế của Việt Nam cũng đã tham gia vào dòng thương mại biển, với vai trò là vệ tinh cho Hội An trong tiến trình hòa nhập vào mạng lưới buôn bán toàn cầu.

**4. NHẬN XÉT VỀ VAI TRÒ GIAO THƯƠNG VÀ MỘT VÀI GIẢI PHÁP BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA HUYỆN DUY XUYÊN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY**

Từ lâu trong lịch sử, huyện Duy Xuyên đã gắn liền với hành trình mở cõi của dân tộc Việt Nam. Đi cùng với quá trình đó, huyện Duy Xuyên đã trở thành địa danh được biết đến với nhiều sản vật địa phương, nhờ chính sách cởi mở của chúa Nguyễn, quá trình giao thương giữa Bồ Đào Nha với trấn Quảng Nam đã diễn ra. Cũng từ đó, những sản vật địa phương của huyện Duy Xuyên đã đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp những mặt hàng được các lái buôn phương Tây ưa chuộng. Những mặt hàng này được thu gom và mang bán ở các nước châu Âu thời bấy giờ.

 Vì vậy, trong bối cảnh hiện nay, bên cạnh những giá trị văn hóa mà huyện Duy Xuyên có được trong tiến trình lịch sử cần được bảo tồn, những giá trị về giao lưu thương mại nội khu vực và quốc tế cần được bảo tồn và phát huy.

Nhiều cách thức có thể kể đến nhưng *thứ nhất* là việc phát huy những sản vật địa phương, tạo thành hệ thống lưu thông không chỉ đường bộ mà còn đường sông nước.

*Thứ hai*, bên cạnh những hoạt động buôn bán tạo nên đặc trưng vùng miền, bằng cách bán những sản vật địa phương nhằm lưu niệm, cần kết hợp với những tour du lịch qua chợ Củi, mua bán bằng thuyền trên sông Bà Rén và Thu Bồn, xuôi dòng về Hội An. Bởi lẽ với cách thức này, du khách có thể tham quan được những di tích đình làng, đền miếu của huyện Duy Xuyên, những đặc trưng văn hóa của cư dân địa phương, còn có thể cảm nhận được sự kỳ thú khi được xem làng quê nổi tiếng với nghề trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ dệt lụa, với những nà bắp, biền dâu trù phú, những hàng tre, những xóm vạn đò tỏa khói hư ảo... Dừng chân ở bến sông, du khách đi bộ lên bờ vào một chợ quê mua trái cây, bắp luộc, bắp nướng, ăn mì Quảng hay được thưởng thức những làn điệu dân ca trữ tình, mang nghĩa tình sông nước…

*Thứ ba,* chúng ta cần có chính sách tôn tạo những di tích lịch sử đã tồn tại trong nhiều thế kỷ của huyện Duy Xuyên như hệ thống định làng, nhà thờ họ người khai canh, để huyện Duy Xuyên là điểm đến của nhưng tour du lịch nước ngoài, mở rộng những hoạt động giao thương không chỉ trong nội khu vực mà cả quốc tế trong mối liên hoàn với phố cổ Hội An.

**5. KẾT LUẬN**

Có thể thấy rằng, bên cạnh việc bảo tồn văn hóa, huyện Duy Xuyên là một huyện trong tổng thể của tỉnh Quảng Nam, từ lâu đã tham gia vào dòng chảy giao thương nội khu vực và quốc tế với Bồ Đào Nhà từ thế kỷ XVI. Việc phát huy vai trò và thế mạnh này lấy nền tảng từ trong quá khứ, vận dụng trong bối cảnh hiện nay là điều rất cần thiết. Từ những thành quả diễn ra trong tiến trình lịch sử, hiện tại chúng ta có thể đưa ra những giải pháp để bảo tồn và phát huy vai trò của địa phương, nhằm đóng góp cho quá trình phát triển kinh tế chung của tỉnh Quảng Nam, từ đó góp phần nâng cao vị thế của Duy Xuyên giai đoạn hiện nay.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đỗ Quỳnh Nga. (2013). *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*. Chính trị Quốc gia.
2. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. (2009). *Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam đến cuối thế kỷ XIX*.
3. Lê Quý Đôn. (1964). *Phủ biên tạp lục*. Khoa học Xã hội.
4. Maybon, C. B. (2011). *Những người châu Âu ở xứ An Nam* (Nguyễn Thừa Hỷ dịch). Thế giới.
5. Nguyễn Văn Khánh. (2007). *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI - XVII*. Thế giới.
6. Pierre-Yves, M. (1972). *Les Portugais sur les cotes du Viet-Nam et du Champa*. L’école Française d’Extrême-Orient, Paris.
7. Tana, L. (1999). *Xứ Đàng Trong lịch sử kinh tế-Xã hội thế kỷ XVII-XVIII*. Trẻ.
8. Thành Thế Vỹ. (1961). *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVI, XVII và đầu thế kỷ XVIII*. Sử học.
1. Cổ Lũy: nay là tỉnh Quảng Ngãi: Sách Phủ Biên tạp lục cho biết: “Vua nước ấy là Ba - Đích Lại dâng đất Chiêm Động và Cổ Lũy động. Quý Ly nhận chia làm bốn châu: Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, đặt An Phú sứ lộ dời đến Thăng Hoa để cai trị. Đem những người dân không có ruộng mà có của dời đến Thăng Hoa, biên làm quân ngũ, khuyên dân nộp trâu thì cho quan tước để lấy trâu cấp cho dân di cư” (Lê Quý Đôn, 1964, 24). [↑](#footnote-ref-1)
2. Chú thích bằng Bản đồ hải thương: Trong Pierre-Yves (1972). Phần phụ lục số 2, tên gọi *Carte comparative des routes de F. Rodrigues et de Wou pei iche.* [↑](#footnote-ref-2)
3. “Après des premiers contacts fortuits avec les côtes cam et vietnamiennes en 1516, la “découverte” officielle de la Cochinchine se fera en 1523”. [↑](#footnote-ref-3)